



Số: 09 /21/QĐ-HĐQT/HAGL Agrico

Gia Lai, ngày 05 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty số 0406/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HAGL Agrico ngày 04/06/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các Quyết định trước đây khác với Quyết định này đều không có hiệu lực.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



Trần Bá Dương



HAGL Agrico

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

THÁNG 6 NĂM 2021





MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc Quản trị công ty	5
CHƯƠNG II	5
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu	7
Điều 8. Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tuyến.....	7
Điều 9. Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	8
Điều 10. Lập Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông.....	9
Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.....	9
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
CHƯƠNG III	10
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 14. Cách thức đề cử, ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị	12
CHƯƠNG IV	13
TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	14
Điều 21. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 22. Ghi biên bản Hội đồng quản trị.....	14
Điều 23. Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị.....	14
CHƯƠNG V	15
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	15
Điều 24. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	15
Điều 25. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên	15
Điều 26. Cách thức bầu Kiểm soát viên	15
Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	16

3007
CÔNG
CỔ P
NG M
QUỐ
JAN
GLA
IKU



CHƯƠNG VI.....	16
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	16
Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	16
Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	17
Điều 31. Việc tiếp cận thông tin	18
Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	18
Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.....	19
CHƯƠNG VII.....	19
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
Điều 34. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Công ty.....	19
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty	20
Điều 36. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.....	20
Điều 37. Các trường hợp bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.....	20
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.....	20
CHƯƠNG VIII.....	21
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	21
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	21
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	21
Điều 41. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại.....	22
CHƯƠNG IX.....	22
SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Điều 42. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	22
CHƯƠNG X.....	23
NGÀY HIỆU LỰC	23
Điều 43. Ngày hiệu lực.....	23



Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được Hội đồng Quản trị ban hành theo Quyết định số 09/21/QĐ-HĐQT/HAGL Agrico ngày 05/06/2021.

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty áp dụng cho Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (sau đây gọi tắt là "**Công ty**"). Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Công ty ban hành tháng 06/2021;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0406/21/NQ-ĐHĐCĐ/HAGL Agrico ngày 04 tháng 06 năm 2021.
2. **Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
3. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "**Quản trị công ty**" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan đến công ty.
 - b. "**Công ty**" là Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai;
 - c. "**Cổ đông lớn**" là Cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - d. "**Người quản lý doanh nghiệp**" được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - e. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;



cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn Cổ đông biểu quyết thông qua hợp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức họp bằng các hình thức sau:
 - a. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp
 - b. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tuyến;
 - c. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
 - d. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
 - e. Các hình thức khác (nếu có) theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tại từng thời điểm.
8. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức họp theo hình thức quy định tại điểm b, c khoản 7 Điều này, cụ thể về việc tham dự, tài liệu và hình thức biểu quyết được gửi đến Cổ đông bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu

1. Phiếu biểu quyết được gửi đến Cổ đông trước ngày khai mạc Đại hội thông qua trang thông tin điện tử của Công ty và phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu tại phòng họp hoặc bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết hợp lệ là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong Phiếu biểu quyết.
3. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của chủ tọa Đại hội. Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
4. Kết quả biểu quyết thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tuyến

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp như quy định tại Điều 5 Quy chế này.
 - b. Thông báo mời họp phải kèm theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và có văn bản hướng dẫn đăng ký, tham gia, biểu quyết trực tuyến đến Cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến



- a. Cổ Đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn đăng ký và tham dự họp trực tuyến của Người triệu tập họp.
 - b. Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến đã kê khai và xác thực tư cách Cổ đông theo hướng dẫn.
 - c. Mỗi Cổ đông có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến để dự họp và biểu quyết.
 - d. Công ty cung cấp thông tin hỗ trợ kỹ thuật, đường dây nóng để hỗ trợ Cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.
3. Điều kiện tiến hành
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty.
4. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến
- a. Công ty sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp.
 - b. Phương thức cụ thể được công bố cho các Cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.
5. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến
- a. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức điện tử khác.
 - b. Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề thông qua tại Đại hội và lập Biên bản kiểm phiếu.
 - c. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các Nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Điều 9. Hợp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.
 - b. Thông báo mời họp phải kèm theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và có văn bản hướng dẫn đăng ký, tham gia, biểu quyết trực tuyến đến Cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty.



- c. Địa điểm tham dự: Cổ Đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra Đại hội hoặc tham dự thông qua hình thức trực tuyến theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
 - a. Cổ Đông tham dự họp trực tiếp: Thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách Cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Điều 6 Quy chế này.
 - b. Cổ Đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
3. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ đông/Người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
4. Cách thức bỏ phiếu

Cổ Đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng các hình thức sau:

 - a. Bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội;
 - b. Biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác;
 - c. Hoặc bằng hình thức khác (nếu có) theo Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông tại từng thời điểm.
5. Cách thức kiểm phiếu
 - a. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền tham gia dự họp trực tiếp và trực tuyến có quyền biểu quyết.
 - b. Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến để xác định cho từng vấn đề thông qua tại Đại hội và lập Biên bản kiểm phiếu.
 - c. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các Nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu của các cách bỏ phiếu.

Điều 10. Lập Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập ngay tại cuộc họp và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài và có các nội dung theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng

Nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Điều 12. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với bất kì vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Cổ đông.
2. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản.
3. Việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty
3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.



4. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty quy định là người không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty

Điều 14. Cách thức đề cử, ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông thực hiện đề cử/ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị theo định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ.

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - a. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước ít nhất mười lăm (15) trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Điều lệ Công ty. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.
 - c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.



Điều 16. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 điều 23 Điều lệ Công ty
2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông phải họp và ra quyết định về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 1 điều này.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Công ty.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo đúng tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Điều 13 Quy chế này.
2. Hội đồng quản trị thực hiện công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định tại Điều 14 Quy chế này.



CHƯƠNG IV.

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập bất kì lúc nào khi thấy cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường vào thời điểm chủ tịch Hội đồng quản trị cho là thích hợp khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Triệu tập họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều 19 Quy chế này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính công ty hoặc tại địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên đã được đăng ký tại Công ty.



Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị biểu quyết theo quy định tại Khoản 9, khoản 11 và khoản 12 Điều 27 Điều lệ Công ty.
2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 22. Ghi biên bản Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và khoản 15 Điều 27 Điều lệ Công ty
2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 23. Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị.
2. Các Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
3. Các nội dung Nghị quyết Hội đồng Quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.



CHƯƠNG V.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không được giữ các chức vị quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận Kế toán, Tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm liền trước đó.

Điều 25. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên

1. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên, từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử sáu (06) ứng viên, từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên

cuối cùng của ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI.**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ với Ban kiểm soát
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời gửi đến Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định của Quy chế này và Điều lệ công ty;
 - c. Khi Ban kiểm soát lựa chọn kiểm toán viên độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty;
 - d. Các nội dung khác xin ý kiến Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tạo Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ với Hội đồng quản trị

- a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm;
- c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc điều tra, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông.
- d. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào Biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- e. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình tài chính, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cổ đông thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được trước ít nhất 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.
- h. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp.

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà Tổng giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
6. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.
7. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi, miễn nhiệm (nếu có).

Điều 31. Việc tiếp cận thông tin

1. Trường hợp cần thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát nêu lý do tại văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin, tài liệu này. Trong trường hợp các thông tin tài liệu này do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thì Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp và tuân thủ theo quy định của pháp luật
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành;
 - d. Tài liệu khác liên quan.
3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát:

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát cho quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc với yêu cầu cả thành viên Hội đồng Quản trị và kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm



- thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản tới Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
 6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng Quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng Quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng Quản trị sẽ phản hồi trong 07 ngày làm việc.

CHƯƠNG VII.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 34. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị Công ty có các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật



- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

Điều 36. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 37. Các trường hợp bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.



CHƯƠNG VIII.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính; trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác sẽ do Hội đồng quản trị thông qua.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp, Kiểm soát viên hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp, Kiểm soát viên hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được



công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc các Cổ đông cho phép thực hiện.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cấn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cấn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cấn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX.

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật

07127
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
QUỐC TẾ
HOÀNG ANH
GI A LAI



khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 43. Ngày hiệu lực

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai bao gồm 10 chương, 43 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 06 năm 2021.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Bá Dương

